| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>TỈNH BẾN TRE | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày 14/6/2023
V/v: "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***: Bà Võ Thị Hồng Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Lê Mộng Linh

Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Sang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-DS ngày 05/5/2023 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023 ; Giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: 77/1 ấp AH, xã AN, huyện TP, tỉnh BT (có đơn xin xét xử vắng mặt)

***2. Bị đơn:*** Bà Lê Thị P, sinh năm 1978 và ông Lê Văn G, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: ấp AB, xã AN, huyện TP, tỉnh BT. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/22/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị L trình bày***:

Vào khoảng năm 2021 tôi có làm chủ hụi bà P có tham gia nhiều dây hụi để về có vốn xoay sở cuộc sống gia đình chung, số lượng hụi viên, ngày khui hụi, ngày mãng hụi, các dây hụi bà P tham gia chơi tôi không nhớ, tôi chỉ nhớ tất cả đã mãng hết. Sau đó, bà P hốt hụi nhưng không trả cho tôi. Nên vào ngày 16/02/2022 tôi và bà P có chốt số tiền hụi lại thành biên nhận nợ giống như tiền vay để cho bà P và ông G là chồng bà

P phụ trả tiền lãi với Ngân hàng cho tôi. Nhưng sau khi chốt số tiền nợ trên bà P và ông G cũng không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu bà P và ông G trả nợ.

Trước dây tôi có khởi kiện yêu cầu bà P và ông G có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền nợ gốc là 614.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 16/02/2022 đến ngày 26/12/2022 với lãi xuất 0.86%/tháng là 49.263.266 đồng, tổng cộng là 663.263.266 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 22/3/2023 cho đến ngày giai quyết xong vụ án với lãi xuất là 0.83%/tháng.

Nay tôi chỉ yêu cầu bà P và ông G có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền 614.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày Tòa án thụ lý là ngày 06/01/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi xuất 0.83%/tháng.

***Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2023 bà Lê Thị P trình bày*:**

Tôi và ông Lê Văn G là vợ chồng, hiện nay vẫn còn sống chung. Trước đây tôi có tham gia góp hụi 03 dây hụi do bà L làm chủ hụi để xoay sở cuộc sống gia đình, hiện nay hụi đã mãng. Sau đó bà và bà L có chốt số tiền hiện hụi mà bà còn nợ bà L là 614.000.000 đồng, để bà đóng lãi mỗi tháng 6.200.000 đồng, bà có đóng lãi được một thời gian nhưng không nhớ cụ thể, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tiền lãi mà bà đã đóng. Hiện nay bà đang gặp khó khăn nên bà xin trả cho bà L mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn G vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn đã thục hiện đúng quy định phát luật, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị L về việc buộc bà Lê Thị P và ông Lê Văn G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay 614.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/01/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Lê Thị L bà yêu cầu bà Lê Thị P và ông Lê Văn G về việc buộc bà L và bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay 614.000.000 đồng nên căn cứ vào điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Thẩm quyền xét xử: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn G hiện đang cư trú tại xã AN, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị P và ông Lê Văn G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng bà L, bà P, ông G vẫn không có mặt. Việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L, bà P, ông G theo quy định Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[4] Nội dung vụ án: Khi khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị L có cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn nợ ngày 16/02/2022 có nội dung bà Lê Thị P và ông Lê Văn G xác nhận có mượn số tiền 614.000.000 đồng. Quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị P thừa nhận bà tham gia chơi hụi do bà L làm chủ hụi tổng cộng là 03 dây hụi, hiện nay đã mãng hết, sau khi bà hốt hụi có gặp khó khăn trong cuộc sống nên đóng hụi không đầy đủ cho bà L. Sau đó bà và bà L có chốt lại số tiền nợ hụi là 614.000.000 đồng theo biên nhận mượn nợ bà L cung cấp khi khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L đồng ý với với lời trình bày của bà P. Bà L và bà P đã thống nhất số tiền nợ hụi thành nợ vay, hiện nay bà P còn nợ bà L là 614.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho số tiền 614.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị đơn bà Lê Thị P đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 06/01/2023 đến ngày 14/6/2023 là 06 tháng 08 ngày lãi xuất: Số tiền gốc 614.000.000 đồng x 0,83% x 6 tháng 08 ngày = 31.936.800 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của bà Lê Thị L buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Lê Thị P và ông Lê Văn G: Quá trình giải quyết ông Lê Văn G vắng mặt, không trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà L. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà P

thừa nhận bà và ông G là vợ chồng hiện nay còn chung sống với nhau, bà chơi hụi để có vốn xoay sở cuộc sống gia đình chung. Nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".

Hội đồng xét xử xét thấy khi bà P thực hiện giao dịch dân sự với bà L thì bà bà P và bà L là vợ chồng được pháp luật công nhận tức việc bà P tham gia chơi hụi với bà L được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông G số tiền bà P chơi hụi để nhằm phục vụ kinh tế gia đình chung, đồng thời Tòa án ra thông báo yêu cầu ông G nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông G ông có ý kiến. Từ các căn cứ trên, xét thấy cần buộc trách nhiệm liên đới của ông G cùng bà P trả số tiền cho bà L là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, việc bà Lơi yêu cầu bà Phấn và ông Gho có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 614.000.000 đồng và tiền lãi 31.936.800 đồng, tổng cộng 645.936.800 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Lê Thị P và ông Lê Văn G phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 116, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Buộc bà Lê Thị P và ông Lê Văn G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 614.000.000 đồng và tiền lãi 31.936.800 đồng, tổng cộng 645.936.800 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự giá ngạch: Bà Lê Thị P và ông Lê Văn G phải liên đới nộp là 29.837.472 đồng.

Bà Lê Thị L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.265.500 đồng theo biên lai thu số 0000986 ngày 05/01/2023.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đượng sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Thúy**